Stt	Tên Thuốc Nồng độ- Hàm lượng	ĐVT	Đơn giá	Số đăng ký	Tháng 7	Tháng 8	Tha
212	Paxiraxol (Bromhexin)	viên	700	VN-2317-06	700		
213	Paxiraxol 8mg (Bromhexin)	viên	749	VN-15429-12	749		
214	Hyoscin(Hyoscin butylbromid)	ống	8,990	VN-14799-12	8,990		
215	Cytan 50mg(Diacerein)	viên	870	VD-17177-12	870		
216	CETIRIZIN 10mg	Viên	525	VD-9788-09	525		
217	Ciprofloxacin 0.3%	lọ	3,000	VD-15205-11	3,000		
218	Cloramphenicol 0,4%	lọ	2,448.6	VD-12406-10	2,448.6		
219	Navacarzol 5mg (Carbimazole)	viên	1,050	VN-5608-08	1,050		
220	Medocetinax (Cetirizin)	viên	800	VN-15129-13	800		
221	Cordazol 0,2g (Amiodarone)	viên	7,665	VN-5086-08	7,665		
222	Cordazol(Amiodarone) 200mg	Viên	6,753	VN-16722-13	6,753		
223	Carbithepham 5mg(Carbimazol)	Viên	450	VD- 19090-13	450		
224	Calci clorid 500mg	ống	1,150	VD-8800-09	1,150		
225	Cerebrolysin 10ml	ống	111,000	VN-15431-12	111,000		
226	Cerebrolycin 10ml	ống	109,620	VN-15431-12	109,620		
227	Colchicine Stada 1mg	viên	1,250	VD-11302-10	1,250		
228	Colchicin 1mg	Viên	462	VD-10530-10	462		
229	Coversyl Flus 5mg (Perindopril)	viên	7,665	VN-7730-09	7,665		
230	Coversyl Flus 5mg (Perindopril)	viên	6,500	VN-7730-09	6,500	6,500	6
231	Cammic(Trannexamicacid) 250mg	ống	5,650	VD - 12989 - 10	5,650		
232	Don-A(donpreridon) 1mg/1ml100	lọ	35,288	VN-12292-11	35,280		
233	DiamicronMR-30mg	Viên	2,865	VN-9729-09	2,865		
234	Dimedrol 10mg/1ml (Diphenhydrami	ống	590	VD-9585-09	590		
235	Dimedrol 10mg/1ml (Diphenhydrami	ống	567	VD - 12992 - 10	567		
236	Dopamin 200mg	ống	26,264	VN-1983-06	26,264		
237	Digoxin 0.25mg	viên	1,050	15554/QLD-KD	1,050		
238	Digoxin 0.25mg	Viên	987	Số 2866/QLD-KD	987		
239	Diaphyllin(Aminophylin)4,8%/5 ml	ống	10,070	VN-5363-10	10,070		
240	Diaphylin (Aminophylin)	ống	10,500	VN-5363-10	10,500		
241	Dopamin 200mg 5ml	ống	22,050	VN-15124-12	22,050		
242	Dex-Tobrin 5ml	Lọ	45,000	VN-16553-13	45,000		
243	Ceteco Datazent (Seratiopeptidase	viên	630	VD-11923-10	630		

Stt	Tên Thuốc Nồng độ- Hàm lượng	ĐVT	Đơn giá	Số đăng ký	Tháng 7	Tháng 8	Th
244	Diacezax (Diacerein)	viên	1,800	VD-15641-11	1,800		
245	Dipreston 50mg (Diacerein)	viên	5,820	VN-14203-11	5,820		
246	Drenoxol (Ambroxol) 30mg	ống	8,568	GPNK 13653/QLI	8,568		
247	Hamet 3g (Diosmectit)	Gói	2,050	VD 13281-10	2,050		
248	Dorokit	viên	2,975	VD-2941-07	2,975		
249	Pylokit	viên	6300	VN 17663-14	6300		
250	Gikanin(Acetyl leucin)500mg	viên	468	VD-8667-09	468		
251	Pintomen (flunarizin)	viên	960	VN-14694-12	960		
252	Medofadin (Famotidin)	viên	1,350	VN-7822-09	1,350		
253	Staclazide 30mg (Gliclazid)	viên	1,380	VD12599-10	1,380		
254	Decmiron (Gliclaride)	viên	820	VN-6534-08	820		
255	Diamicron MR(Gliclazide) 60mg	viên	5460	VN-13764-11	5460		
256	Myzith MR(Gliclazide) 60mg	viên	4180	VN-17745-14	4180		
257	Gliclaride 30mg	viên	2,875	VD-9800-10	2,875		
258	Plariche 3,5mg(Glibenclamid)	viên	1,176	VN-9532-10	1,176		
259	Plariche 3,5mg(Glibenclamid)	viên	1,050	VN-9532-10	1,050		
260	Plariche 3,5mg(Glibenclamid)	viên	1,135	VN-9532-10	1,135		
261	Glumin 500mg (Metfomine)	Viên	693	VN8259-09	693		
262	Cereneed 250mg(Meclofenoxate H	lọ	40,000	11869/QLD-KD	40,000		
263	Crondia 30MR (Gliclazid)	viên	1,150	VD-18281-13	1,150		
264	Gastrolium	gói	2,000	VD-12928-10	2,000		
265	Gansa(Loratadine)5mg/5ml	Lọ	39800	VN-14085-11	39800		
266	Hadistril 500 (Glucosamin)	viên	600	VD-13727-11	600		
267	Resguco 250mg(Glucosamin)	viên	460	VD-12803-10	460		
268	Griseofulvin 500mg	viên	1,200	VD16593-12	1,200		
269	Gilatavis(Gliclazid) 80mg	viên	750	VN-6265-08	750		
270	Heptaminol 187,8mg	viên	780	VD-16376-12	780		
271	Heptaminol (Hydroclorid) 313mg,	ống	12,000	VD 5623-08	12,000		
272	Heptaminol 187,8mg	Viên	715	VD-8940-09	715		
273	Hồ nước 30ml	lọ	4,830	VD-16350-12	4,830		
274	Scilin M30 (Insulin 30/70 M30)	lọ	107,730	QlSP-0648-13	107,730		
275	Scillin M30(Insulin30/70 M30) 4(	lọ	104,000	QLSP-0648-13	104,000		

Stt	Tên Thuốc Nồng độ- Hàm lượng	ĐVT	Đơn giá	Số đăng ký	Tháng 7	Tháng 8	Thán
276	Mitard 100UI	bút	192,000	VN-11010-10	192,000	192,000	192,(
277	Kadyum (Kaleorid)	viên	3,852	VN-15428-12	3,852		
278	Kadyum 600mg (Kaliclorid)	viên	1800	VN-15428-12	1800		
279	Kaliclorid 500mg	Ống	2520	VD - 12995 - 10	2520		
280	Valygyno	viên	5,500	VD-6794-09	5,500		
281	Neo-gynoternan	viên	2,360	VD-13505-10	2,360		
282	Ketoconazol 200mg	viên	800	VD-11249-10	800		
283	Nystatin 50000UI	viên	585.9	VD-12416-10	585.9		
284	Nystatin 250000UI	Gói	2,875	VD-16827-11	2,875	2,875	2,8
285	Nystatin 250000UI	Gói		VD-16827-11			
286	Fenbrat(Fenofibrate)	viên	1,155	VD-5658-08	1,155		
287	Lipiden (Gemfibrozil) 300mg	viên	2,876	VN-17410-13	2,876		
288	Lipiden 300mg (Gemfibrozil) 300mg	Viên	2000	VN-17410-13	2000		
289	Loxone (Norfloxacin) 3%5ml	lọ	29,500	VN-16331-13	29,500		
290	Lucikvin (Meclofenoxat hydrochl	viên	800	VD-15658-12	800		
291	Lucikvin (Meclofenoxat)250mg	Viên	780	VD - 15658 - 11	780		
292	Lidocain 2%	ống	538	VD-12996-10	538		
293	Lidocain 2%	ống	490	VD-12996-10	490		
294	Lidocain 10%(Lidocain Spay)	ống	126,000	VN-9201-09	126,000		
295	Lidocain 2%+EpinephrineNormor	ống	10,640	VN-14625-12	10,640		
296	Loperamide 2mg	Viên	158	VD-14295-11	158		
297	Lobonxol (Ambroxol) 30mg	Viên	1155	VN-16707-13	1155		
298	Tamidan (Levothroxin) 100mcg	viên	933	VN13845-11	933		
299	Misoprostol 200mcg	viên	4,500	VD-13626-10	4,500		
300	Misoprostol 200mcg	viên	5,000	VD-13626-11	5,000	5,000	5,0
301	Magnesisulfat 15%	ống	2,777	VD-19567-13	2,777		
302	Magnesi sulfat 15%	ống	3,454	VD-19567-13	3,454		
303	Majohepa 500mg/5ml	ống	9,800	VD-14178-11	9,800		
304	Mebendazol 500mg	viên	1,200	VD-15522-11	1,200		
305	Mydocalm(Tolperisone)50mg	viên	1350	VN-8705-09	1350		
306	Mezatam	viên	777	VD-12850-10	777		
307	Methyl Ergometrin 0,2mg 1ml	ống	14,416	VN 5607-10	14,416		

Stt	Tên Thuốc Nồng độ- Hàm lượng	ĐVT	Đơn giá	Số đăng ký	Tháng 7	Tháng 8	Thán
308	Medrol tab 4mg (Methylprednsolone)	Viên	1,052	VN-13805-11	1,052		
309	Methyl Ecgometrin 0,2mg	ống	14,422	VN-5607-10	14,422		
310	Mebendazol 500mg	Viên	1385	VD-15522-11	1385		
311	Mỡ Tetracylin 1%	tub	3,451	VD-10357-10	3,451		
312	Mỡ Gentamycin 0,3%	tub	3,955	VD 6901-09	3,955		
313	Mỡ Acyclovir 5g	tub	10,900	VD 16647-12	10,900		
314	Mỡ Acyclovir 5g	tub	9,636	VD-16647-12	9,636		
315	Mỡ Acyclovir 5g	tub	7,000	VD-16647-13			7,
316	Mỡ Phenergan 10g	tub	10930	GC0096-10	10930	10930	10
317	Dibetalic 10g	tub	17,986	VD-11895-10	17,968		
318	Mỡ Betacylic 10g	tub	7,073	VD-11895-10	7,073		
319	HoeBeprosalic15g(Fucidic acid+b	tub	55,000	VN-15465-12	55,000		
320	Cafunten (Clotrimazol)	tub	12,000	VD-7389-09	12,000		
321	Mỡ Ketonazol 2% 5g	tub	4,100	VD-11843-10	4,100		
322	Mỡ Ketonazol 2%	tub	3,795	VD-11843-10	3,795		
323	Mo Flucinar 15g	tub	32,400	VN-9811-10	32,400		
324	Mỡ Panthenol 20g	tub	17,150	VD-13935-11	17,150		
325	Mỡ Promethazin 5g	tub	6,487	VD-10554-10	6,487		
326	Mỡ Neocimex 10g	tub	8,760	VD-8156-09	8,760		
327	Natriclorid 0,9%	lọ	1,200	VD-10579-10	1,200		
328	Neostigmin 0,5mg 1ml (Neostigm	ống	8,715	VN15618-12	8,715		
329	Neostigmin 0.5mg	ống	7,950	VN-15383-12	7,950		
330	Nitromint 2,6mg (Nitroglycerin)	viên	1,800	VN-14162-11	1,800		
331	Nitromin 2,6mg(Nitroglycerin)	Viên	1,600	VN-14162-11	1,600		
332	Nước cất 5ml	ống	750	VD-13000-10	750		
333	Nước cất 10ml (Sterilised)	ống	1,945	VN-7738-09	1,945		
334	Nifedipin (Adalat 10mg)	viên	2,866	VN-14010-11	2,866		
335	Nifephabaco 10mg (Nifedipin)	viên	180	VD-7591-09	180		
336	Nospa40mg (Drotaverin clohydrat	ống	13,960	VN- 14353- 11	13,960		
337	Nospa (Drotaverine 40mg)	ống	5,586	VN-14353-11		5,586	5,5
338	Novocain 3%(Procainhydroclorid)	ống	541	VD 13002-10	541		
339	Naloxone 0,4mg	ống	47,040	VN-7008-08	47,040		
340	Naloxone 0,4mg	ống	45,619	VN-7008-09	45,619	45,619	45,6